TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:235/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2022
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Bình An
Các Hội thẩm nhân dân: bà Trương Thị Kim Tiến;
bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 491/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số: 162/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Huế A, sinh năm 1995

2. Bị đơn: ông Huỳnh Chí L, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(bà Huế A có mặt, ông L vắng mặt – đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2022 và những lời khai tiếp theo của bà Trần Thị Huế A trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Huỳnh Chí L chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 24/4/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã nên bà và ông L đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và

cũng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Huỳnh Chí L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà Huế A xác định có 04 con chung tên Huỳnh Gia K, sinh ngày 21/02/2013, Huỳnh Ngọc Gia H, sinh ngày 14/3/2016 (hiện do ông L nuôi dưỡng), Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 26/11/2014 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 02/9/2017 (hiện do bà Huế A nuôi dưỡng). Khi ly hôn Huế A xin được tiếp tục nuôi dưỡng Hải Đ, Duy K và đồng ý giao con chung Gia K, Gia H cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Huế A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản của cháu Huỳnh Gia K và Huỳnh Hải Đ là con chung của bà Huế A và ông L thì cháu Đ có nguyện vọng sống với bà Huế A; cháu K có nguyện vọng sống với ông L khi bà Huế A và ông L ly hôn với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo cho ông L biết về yêu cầu khởi kiện của bà Huế A nhưng ông L không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông L cũng không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] .Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huế A nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" được quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Chí L có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Trần Thị Huế A khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Huỳnh Chí L nên bà Huế A được xác định là nguyên đơn, ông L là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.3]. Về xét xử vắng mặt: ông Huỳnh Chí L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[1.4]. Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà Trần Thị Huế A có cung cấp cho Tòa án giấy trích lục kết hôn số 113/TLKH-BS ngày 18/02/2022 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long nên hôn nhân giữa bà Huế A và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tình trạng hôn nhân: xét hôn nhân giữa bà Huế A và ông L trên cơ sở tự nguyện, bà Huế A xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà và ông L đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay nên bà Huế A xin được ly hôn với ông L. Đối với ông L, ông không có ý kiến phản hồi về việc bà Huế A xin ly hôn với ông, tại thời điểm bà Huế A xin ly với ông L thì giữa bà Huế A và ông L không đưa ra được hướng đoàn tụ, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huế A được ly hôn với ông L.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà Huế A xác định có 04 con chung tên Huỳnh Gia K, sinh ngày 21/02/2013, Huỳnh Ngọc Gia H, sinh ngày 14/3/2016 (hiện do ông L nuôi dưỡng), Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 26/11/2014 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 02/9/2017 (hiện do bà Huế A nuôi dưỡng).

Thấy rằng từ khi bà Huế A và ông L ly thân nhau cho đến nay con chung Hải Đ, Duy K do bà Huế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và vẫn đảm bảo phát triển bình thường cho các cháu, đồng thời cháu Đ có nguyện vọng sống với bà Huế A; đối với cháu Gia K, cháu Gia H thì bà Huế A cho rằng ông L đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông L vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu K, cháu H phát triển bình thường, đồng thời cháu K có nguyện vọng sống với ông L khi bà Huế A và ông L ly hôn với nhau.

Đối với ông L thì ông không có ý kiến phản hồi về việc bà Huế A xin được nuôi con chung là cháu Đ và cháu K và không có ý kiến về yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu H hay không nhưng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung Huỳnh Hải Đ và Huỳnh Duy K cho bà Huế A tiếp tục nuôi dưỡng; ông L được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Gia K và Huỳnh Ngọc Gia H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, bà Huế A không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: bà Huế A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thay đổi tình trạng nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Trần Thị Huế A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huế A về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" đối với ông Huỳnh Chí L.

Về hôn nhân: bà Trần Thị Huế A được ly hôn với ông Huỳnh Chí L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà Trần Thị Huế A được trực tiếp nuôi con chung là Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 26/11/2014 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 02/9/2017 (hiện do bà Huế A nuôi dưỡng). Ông L được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Gia K, sinh ngày 21/02/2013, Huỳnh Ngọc Gia H, sinh ngày 14/3/2016 (hiện do ông L nuôi dưỡng). Bà Huế A và ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con và khoản cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Huế A xác định không có.

2. Về án phí: bà Trần Thị Huế A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006685 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà Huế A không phải nộp tiếp.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Uỷ ban nhân dân xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đỗ Bình An